

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử
dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy
lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh
Sóc Trăng (Tờ trình số 283/TTr-SNN ngày 14 tháng 12 năm 2022).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (giá không có thuế giá trị gia tăng) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

Stt	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị tính	Mức giá
1	Đất trồng lúa		
a	Tưới tiêu bằng động lực	Đồng/ha/vụ	1.055.000
b	Chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực	Đồng/ha/vụ	292.800
c	Lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu	Đồng/ha/vụ	512.400
d	Tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	Đồng/ha/vụ	824.000
2	Đất trồng mạ, rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày (mức giá 40% đất trồng lúa)		
a	Tưới tiêu bằng động lực	Đồng/ha/vụ	422.000
b	Chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực	Đồng/ha/vụ	117.120
c	Lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu	Đồng/ha/vụ	204.960
d	Tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	Đồng/ha/vụ	329.600
3	Đất trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu (mức giá 80% đất trồng lúa)		
a	Tưới tiêu bằng động lực	Đồng/ha/vụ	844.000
b	Chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực	Đồng/ha/vụ	234.240
c	Lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu	Đồng/ha/vụ	409.920
d	Tưới tiêu bằng trọng lực kết hợp động lực hỗ trợ	Đồng/ha/vụ	659.200
4	Đất nuôi thủy sản	Đồng/m ² mặt thoáng/năm	125
5	Đất làm muối		02% giá trị muối thành phẩm
6	Cấp nước cho chăn nuôi		
a	Bằng biện pháp công trình bơm	Đồng/m ³	1.320
b	Bằng biện pháp công trình kênh, cống	Đồng/m ³	900

Điều 2.

1. Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; chủ sở hữu và các cơ quan quản lý công trình thủy lợi; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm áp dụng mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các địa phương, các tổ chức, cá nhân, đơn vị quản lý, khai thác công

trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

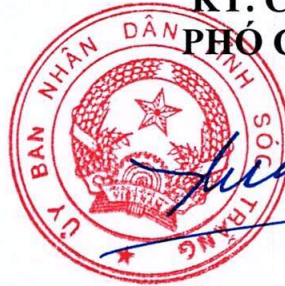
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng cho cả năm ngân sách 2022.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ NN&PTNT;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam